

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Xứng

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2024/HNGĐST ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **TRAN QUOC HUNG**, sinh năm 1987

Địa chỉ: H C CT. NW., L, GA C, USA.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/11/2024 bà Lê Thị T trình bày:

Bà T và ông T1 QUOC HUNG quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu có nảy sinh tình cảm, ông bà tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 16/01/2023. Sau khi kết hôn ông H về Mỹ làm việc, bà T ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau qua điện thoại được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dần dần không còn liên lạc cho đến nay, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bà T nhận thấy không thể hàn gắn mối quan hệ

tình cảm vợ chồng với ông H nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết cho ly hôn với ông TRAN QUOC HUNG. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông TRAN QUOC HUNG có ý kiến trình bày trong văn bản đồng ý ly hôn ngày 10/9/2024: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ đúng như Lê Thị T trình bày. Với yêu cầu của bà T, ông TRAN QUOC HUNG đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì khác, yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn TRAN QUOC HUNG đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hợp lệ. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Lê Thị T và ông TRAN QUOC HUNG kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông T1 QUOC HUNG là hôn nhân hợp pháp, đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 16/01/2023.

Về nguyên nhân ly hôn ông bà đều xác định, sau khi kết hôn ông TRAN QUOC HUNG về Mỹ sống, bà T2 ở lại Việt Nam nên thời gian chung sống không nhiều. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau qua điện thoại được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cách xa về địa lý nên không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông bà đều có ý kiến gửi đến tòa án thống nhất ly hôn.

Hội đồng xét xử, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông TRAN QUOC HUNG đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó qua thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T đối với ông TRAN QUOC HUNG.

Về con, tài sản và nợ chung: Ông H và bà T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông TRAN QUOC HUNG.

2. Về con, tài sản và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006472 ngày 01/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
THẨM

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Út Mẫn